

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC
CẢNG PHƯỚC AN**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Mạnh Hiền	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Trần Ngọc Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2013)
Ông Đào Minh Tùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2013)
Ông Phạm Xuân Bách	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Hạnh	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Dũng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dũng	Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Giám đốc
Ông Trần Xuân Chiến	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC


Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 


Trần Ngọc Dũng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014



Số: 329 / VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 11 tháng 3 năm 2014, từ trang 3 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 14 tháng 01 năm 2013 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 11 tháng 3 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Thanh Phương
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2061-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

1128
CHI
CƠ
NH
EL
VIỆ
T
T
C
A
N
V
C

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		257.958.906.778	251.951.065.600
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	53.159.341.408	233.124.615.672
1. Tiền	111		2.380.309.435	2.224.615.672
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.779.031.973	230.900.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	200.351.357.464	14.164.431.552
1. Đầu tư ngắn hạn	121		200.351.357.464	14.164.431.552
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.874.200.073	4.221.837.576
1. Phải thu khách hàng	131		461.702.592	643.104.000
2. Trả trước cho người bán	132		-	771.919.736
3. Các khoản phải thu khác	135	7	3.412.497.481	2.806.813.840
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		574.007.833	440.180.800
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		181.727.629	288.868.341
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		293.795.204	32.827.459
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		98.485.000	118.485.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250)	200		217.592.698.787	216.261.655.816
I. Tài sản cố định	220		217.592.698.787	208.261.655.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.783.735.554	4.652.988.458
- Nguyên giá	222		9.839.998.795	10.828.337.964
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.056.263.241)	(6.175.349.506)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	214.808.963.233	203.608.667.358
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	-	8.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		8.000.000.000	8.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(8.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		475.551.605.565	468.212.721.416

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013		31/12/2012	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		33.624.938.264		18.421.179.747	
I. Nợ ngắn hạn	310		33.624.938.264		18.421.179.747	
1. Phải trả cho người bán	312		817.802.080		1.391.222.120	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		-		293.196.860	
3. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	11	30.351.447.786		14.164.431.552	
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.455.688.398		2.572.329.215	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	12	441.926.667.301		449.791.541.669	
I. Vốn chủ sở hữu	410		441.926.667.301		449.791.541.669	
1. Vốn điều lệ	411		440.000.000.000		440.000.000.000	
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		7.644.654.711		7.644.654.711	
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.379.953.090		1.370.899.287	
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		689.976.544		685.449.643	
5. (Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối	420		(7.787.917.044)		90.538.028	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		475.551.605.565		468.212.721.416	

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ (USD)

31/12/2013

31/12/2012

1.857,89

401,11

(Handwritten signature)

Đào Minh Tùng
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014

(Handwritten mark)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2013	2012
1. Doanh thu bán hàng	01		5.293.570.200	11.113.813.130
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		5.293.570.200	11.113.813.130
3. Giá vốn hàng bán	11		4.754.906.355	10.973.224.287
4. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		538.663.845	140.588.843
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.351.014.108	28.974.806.974
6. Chi phí tài chính	22		8.004.241.312	-
7. Chi phí bán hàng	24		189.785.006	170.471.705
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.550.566.820	28.862.490.680
9. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		(7.854.915.185)	82.433.432
10. Thu nhập khác	31		-	12.200.000
11. Chi phí khác	32		-	12.124.185
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	75.815
13. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(7.854.915.185)	82.509.247
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	58.189.118
15. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(7.854.915.185)	24.320.129
16. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	(179)	1


Đào Minh Tùng
Kế toán trưởngTrần Ngọc Dũng
Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013		2012	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(7.854.915.185)		82.509.247	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định	02	1.694.599.078		1.766.720.148	
Các khoản dự phòng	03	8.000.000.000		-	
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.241.312		-	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.351.014.108)		(28.974.806.974)	
3. Lỗ từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(17.507.088.903)		(27.125.577.579)	
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.597.687.808		(15.439.530)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	15.193.799.334		(2.158.918.647)	
Thay đổi chi phí trả trước	12	174.653.826		-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-		(1.350.742.183)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	20.000.000		-	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-		(519.590.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.479.052.065		(31.170.267.939)	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(11.200.295.875)		(32.496.192.098)	
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(200.351.357.464)		(27.510.315.552)	
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14.164.431.552		93.345.884.000	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	15.947.136.770		27.798.632.725	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181.440.085.017)		61.138.009.075	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)	50	(179.961.032.952)		29.967.741.136	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	233.124.615.672		203.156.874.536	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.241.312)		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	53.159.341.408		233.124.615.672	


Đào Minh Tung
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dũng
Giám đốc
Ngày 11 tháng 3 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000541 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh lần 3 số 3601010336 ngày 29 tháng 6 năm 2012.

Các cổ đông chính của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN"), Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp với tỉ lệ sở hữu tương đương với quyền biểu quyết lần lượt là 79,55% và 17,05%.

Vốn điều lệ của Công ty là 440.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 79 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 80 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư khai thác phát triển cảng và khu hậu cần; đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; kinh doanh vận tải biển, vận tải đường thủy và đường bộ, đại lý tàu biển, vận chuyển dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu; thuê và cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị; đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng); sửa chữa, thi công, lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy; cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Giám đốc đánh giá việc áp dụng Thông tư 89 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư 89 được trình bày ở Thuyết minh số 10 bên dưới.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư ngắn hạn, đầu tư dài hạn, và các khoản ký quỹ ngắn hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và tài chính có thời hạn trên 3 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp vào các công ty cổ phần, trong đó Công ty nắm giữ dưới 20% vốn điều lệ, và các khoản đầu tư khác với thời hạn dài hơn 1 năm. Các khoản đầu tư dài hạn được phản ánh theo giá gốc trên báo cáo tài chính.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn “Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng, giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí khảo sát, thiết kế, và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ph

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Công ty được trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm theo điều lệ Công ty và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

HHH

11/1 2013

ĐH

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	43.665.201	10.496.272
Tiền gửi ngân hàng	2.336.644.234	2.214.119.400
Các khoản tương đương tiền	<u>50.779.031.973</u>	<u>230.900.000.000</u>
	<u>53.159.341.408</u>	<u>233.124.615.672</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 6,8% đến 8% hàng năm (năm 2012: từ 8% đến 14%).

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn từ 3 tháng trở lên với lãi suất từ 6,8% đến 8%/năm (năm 2012: từ 8% đến 14%/năm).

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi dự thu	3.403.877.338	2.806.255.556
Phải thu khác	<u>8.620.143</u>	<u>558.284</u>
	<u>3.412.497.481</u>	<u>2.806.813.840</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	9.335.913.688	1.492.424.276	10.828.337.964
Tăng trong năm	-	-	-
Xóa sổ (*)	<u>(988.339.169)</u>	-	<u>(988.339.169)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>8.347.574.519</u>	<u>1.492.424.276</u>	<u>9.839.998.795</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	5.048.877.822	1.126.471.684	6.175.349.506
Khấu hao trong năm	1.557.002.244	137.596.834	1.694.599.078
Xóa sổ (*)	<u>(813.685.343)</u>	-	<u>(813.685.343)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>5.792.194.723</u>	<u>1.264.068.518</u>	<u>7.056.263.241</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	<u>2.555.379.796</u>	<u>228.355.758</u>	<u>2.783.735.554</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.287.035.866</u>	<u>365.952.592</u>	<u>4.652.988.458</u>

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 346.959.380 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 858.034.856 đồng).

(*) Xóa sổ thể hiện các tài sản không còn thỏa mãn điều kiện ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45.

ĐHL

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	203.608.667.358	171.193.965.650
Tăng trong năm	11.200.295.875	32.414.701.708
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>214.808.963.233</u>	<u>203.608.667.358</u>

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2012 như sau:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	132.297.813.199	132.297.813.199
Lập dự án đầu tư	11.023.492.727	11.023.492.727
Chi phí triển khai dự án	18.658.044.965	8.144.294.545
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà phá bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	13.959.272.727	13.272.727.272
Chi phí khác	7.760.498.346	7.760.498.346
	<u>214.808.963.233</u>	<u>203.608.667.358</u>

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	8.000.000.000	8.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	<u>(8.000.000.000)</u>	<u>-</u>
	<u>-</u>	<u>8.000.000.000</u>

Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao được góp theo mệnh giá và với tỷ lệ góp là 10% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao đã có số lỗ lũy kế vượt quá số vốn chủ sở hữu, do đó Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này theo hướng dẫn của Thông tư 89.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (*)	13.345.884.000	13.345.884.000
Tiền bồi thường chưa nhận (**)	16.779.031.973	818.547.552
Phải trả khác	226.531.813	-
	<u>30.351.447.786</u>	<u>14.164.431.552</u>

(*) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 8 năm 2011 tại Dự án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp. Số tiền này tương đương với tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với phần diện tích đất 196.507,5 m² theo phê duyệt của UBND huyện Nhơn Trạch cho các hộ dân bị thu hồi ủy quyền cho Công ty Lan Phương nhận.

Diện tích đất Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương được tham gia đầu tư không lớn hơn diện tích đất thực tế đã được bồi thường. Thời gian và tiến độ đầu tư sẽ được hai bên thỏa thuận, trên cơ sở phù hợp với kế hoạch, tiến độ, điều kiện triển khai dự án của Công ty.

(**) Đây là khoản tiền bồi thường và tiền lãi không kỳ hạn phát sinh từ khoản tiền bồi thường cho một số hộ dân nằm trong diện giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Số dư tại ngày 01/01/2012	440.000.000.000	-	4.363.547.072	-	792.371.227	-	396.185.613	-	5.851.498.494	-	451.403.602.406
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	24.320.129	-	24.320.129
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-	3.281.107.639	-	578.528.060	-	289.264.030	-	(5.785.280.595)	-	(1.636.380.866)
Số dư tại ngày 31/12/2012	440.000.000.000	-	7.644.654.711	-	1.370.899.287	-	685.449.643	-	90.538.028	(7.854.915.185)	449.791.541.669
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.854.915.185)	-	(7.854.915.185)
Phân phối lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	9.053.803	-	4.526.901	-	(23.539.887)	-	(9.959.183)
Số dư tại ngày 31/12/2013	440.000.000.000	-	7.644.654.711	-	1.379.953.090	-	689.976.544	-	(7.787.917.044)	-	441.926.667.301

Theo Nghị quyết số 55/NQ-PAP của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 04 tháng 4 năm 2013, Công ty đã trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo Điều lệ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo tỷ lệ:

- Quỹ Dự phòng tài chính (5%): 4.526.901 đồng
- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (10%): 9.053.803 đồng
- Quỹ Đầu tư, Phát triển (10%): 9.053.803 đồng
- Quỹ thưởng Ban điều hành (1%): 905.380 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, tổng số vốn điều lệ của Công ty là 440.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và năm 2012, số vốn các cổ đông đã góp được như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2013		Vốn đã góp 31/12/2012	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	350.000.000.000	79,55	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	-	250.000.000.000	56,82
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	75.000.000.000	17,05	75.000.000.000	17,05
Công ty Máy - Thiết bị Dầu khí	-	-	50.000.000.000	11,36
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	-	50.000.000.000	11,36
Các cổ đông khác	15.000.000.000	3,41	15.000.000.000	3,41
	440.000.000.000	100	440.000.000.000	100

Ngày 06 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp từ các đơn vị thành viên của PVN tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "PAP") gồm: Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (gọi tắt là "PTSC"): 25 triệu cổ phần, Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH Một Thành Viên (gọi tắt là "PV Oil"): 5 triệu cổ phần và Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (gọi tắt là "PV Machino"): 5 triệu cổ phần. Theo đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ tổng cộng 35 triệu cổ phần tại PAP tương đương 79,55% vốn Điều lệ PAP.

Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	44.000.000	44.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	44.000.000	44.000.000
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

13. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, cung cấp các dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.200.130.515	2.477.907.210
Chi phí nhân công	9.539.411.810	17.580.516.508
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.694.599.078	1.766.720.148
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.996.943.855	6.943.003.018
Chi phí khác	309.266.568	264.815.501
	19.740.351.826	29.032.962.385

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty gồm lãi tiền gửi đã thực thu và lãi dự thu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(7.854.915.185)	82.509.247
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	-	-
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	92.500.000	250.000.000
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	(7.762.415.185)	332.509.247
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	83.127.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	-	(24.938.194)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	58.189.118

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 7.762.415.185 đồng (đã bao gồm khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với số tiền là 8.000.000.000 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì Công ty không chắc chắn có đủ lợi nhuận trong tương lai. Các khoản lỗ này có thể được mang sang với thời hạn tối đa là 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ (đáo hạn vào năm 2018).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm kết thúc 31/12/2013	Năm kết thúc 31/12/2012
	VND	VND
(Lỗ)/lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.854.915.185)	24.320.129
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	44.000.000	44.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(179)	1
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>1.540.540.018</u>	<u>1.508.077.093</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	<u>1.221.528.698</u>	<u>1.518.057.203</u>
	<u>1.221.528.698</u>	<u>1.518.057.203</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê văn phòng làm việc tại Nhà Văn phòng KCN Nhơn Trạch 3, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 07/HĐ-PAP ngày 25 tháng 7 năm 2008 giữa Công ty với Xí nghiệp Dịch vụ và Phát triển Khu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Phụ lục hợp đồng số 80/PLHĐ-PAP ngày 19 tháng 12 năm 2011 với giá thuê bao gồm VAT là 6.183 Đô la Mỹ/tháng, thời hiệu của hợp đồng đến ngày 01 tháng 01 năm 2015.
- Số tiền thuê văn phòng tại tòa nhà VCCI, thành phố Vũng Tàu theo Hợp đồng số 64/2010/HĐTVP ngày 28 tháng 9 năm 2010 giữa Công ty với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, giá thuê 432 Đô la Mỹ/tháng. Phụ lục hợp đồng ngày 24 tháng 9 năm 2012 về việc gia hạn thời hạn thuê từ ngày 01 tháng 10 năm 2012 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2014.
- Ngoài ra, Công ty còn có Hợp đồng thuê đất số 45/HĐTĐ ngày 10 tháng 11 năm 2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thuê 1.572.896,4 m² tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để sử dụng vào mục đích xây dựng và kinh doanh, khai thác cảng Phước An, thời hạn thuê đến hết ngày 21 tháng 8 năm 2059, giá thuê đất 1.600 đồng/m²/tháng. Hiện tại, Công ty đã được tạm miễn tiền thuê đất từ tháng 5 năm 2011 đến hết tháng 12 năm 2013 theo Thông báo tạm miễn tiền thuê đất số 349/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2012 và Thông báo số 714/TB.CT.QLCKTTĐ ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai; đồng thời, Công ty cũng được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định số 13/QĐ-CT ngày 02 tháng 11 năm 2012 của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.159.341.408	233.124.615.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.874.200.073	3.449.917.840
Đầu tư ngắn hạn	200.351.357.464	14.164.431.552
Đầu tư dài hạn	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	54.485.000	54.485.000
Tổng cộng	257.439.383.945	258.793.450.064
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	31.169.249.866	15.555.653.672
Tổng cộng	31.169.249.866	15.555.653.672

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đó cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (chủ yếu là rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	39.155.032	8.349.105	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Ban Giám đốc đánh giá rằng chênh lệch tỷ giá hối đoái sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu lên kết quả hoạt động của Công ty và không có ảnh hưởng trọng yếu đến số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ khách hàng là các công ty trong cùng Tập đoàn dầu khí Việt Nam.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.159.341.408	-	53.159.341.408
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.874.200.073	-	3.874.200.073
Đầu tư ngắn hạn	200.351.357.464	-	200.351.357.464
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	54.485.000	-	54.485.000
Tổng cộng	257.439.383.945	-	257.439.383.945
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	31.169.249.866	-	31.169.249.866
Tổng cộng	31.169.249.866	-	31.169.249.866
Chênh lệch thanh khoản thuần	226.270.134.079	-	226.270.134.079
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	233.124.615.672	-	233.124.615.672
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.449.917.840	-	3.449.917.840
Đầu tư ngắn hạn	14.164.431.552	-	14.164.431.552
Đầu tư dài hạn	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	54.485.000	-	54.485.000
Tổng cộng	250.793.450.064	8.000.000.000	258.793.450.064
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	15.555.653.672	-	15.555.653.672
Tổng cộng	15.555.653.672	-	15.555.653.672
Chênh lệch thanh khoản thuần	235.237.796.392	8.000.000.000	243.237.796.392

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

20. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Phát triển Khu Công nghiệp	Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	Công ty sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông công nghệ cao
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Đơn vị có góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovetro	Đơn vị có góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a	Đơn vị có góp vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC ANKhu Công nghiệp Nhơn Trạch III, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)


	2013 VND	2012 VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	3.291.008.333
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	1.659.888.889
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	2.992.050.189	4.844.025.579
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	7.015.927.531	4.379.787.523
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC	-	279.154.312
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí	-	-
Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro	2.747.627.410	-
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a	2.545.942.790	-


Thu nhập của Ban điều hành được hưởng trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.222.801.000	3.119.829.710

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản tiền gửi		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	40.196.206.411	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Đồng Nai	85.351.351.464	104.164.431.552


 Đào Minh Tùng
 Kế toán trưởng


 Trần Ngọc Dũng
 Giám đốc
 Ngày 11 tháng 3 năm 2014